

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 8 - 2020

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Vĩ Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Huy Cường;

2. Bà Trần Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số 336/2010/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1971;

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: tổ 8, ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T.

Chị D có mặt tại phiên tòa, anh T có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh T chung sống như vợ chồng từ năm 1991, hôn nhân tự nguyện có qua tìm hiểu trước, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện G, tỉnh T. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn về chuyện tiền bạc và làm ăn vợ chồng không thống nhất và do anh T ghen tuông vô cớ, thường đánh đập chị, vì thương các con nên chị nhẫn nhịn bỏ qua đợi anh T thay đổi, nhưng đến nay

anh không thay đổi, vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay; nhận thấy tình cảm không còn nay chị yêu cầu xin ly hôn cùng anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vũ K, sinh ngày 03/3/1993 và con tên Nguyễn Đình V, sinh ngày 20/3/2005. Hiện cả 02 con chung đang sinh sống cùng anh và chị. Khi ly hôn con tên Nguyễn Vũ K đã thành niên trên 18 tuổi, tự lao động sinh sống được chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với con tên Nguyễn Đình V còn nhỏ chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/6/2020 bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Về thời gian chung sống như vợ chồng và kết hôn như chị D trình bày là đúng. Theo anh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là vì tiền bạc và trong việc làm ăn chị D hùng vốn làm ăn cùng người anh không thích nhưng chị D vẫn làm không theo ý kiến của anh nên từ đó vợ chồng cãi vã lẫn nhau. Nay chị D yêu cầu xin ly hôn cùng anh, anh không đồng ý ly hôn, vì anh còn thương vợ con anh mong muốn gia đình đoàn tụ.

Về con chung: Như chị D trình bày là đúng, anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Vũ K, sinh ngày 03/3/1993 và con tên Nguyễn Đình V, sinh ngày 20/3/2005; hiện cả hai con đang sống chung cùng với anh và chị. Nếu Tòa án cho ly hôn anh đồng ý để các con lựa chọn theo ai người đó nuôi, ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc tuân theo pháp luật tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Nguyễn Thanh T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Vũ K đã thành niên trên 18 tuổi không đặt ra giải quyết; Giao cho chị D được quyền nuôi con tên Nguyễn Đình V. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thanh T có đơn xin vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị D và anh T không hạnh phúc, anh chị thường xuyên cãi vã lẫn nhau về việc tiền bạc và công việc làm ăn của nhau, anh T ghen chị có mối quan hệ không rõ ràng cùng người đàn ông khác từ đó anh T thường hay đánh đập chị; đây là hành vi bạo lực gia đình vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; vợ chồng đã tự ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Anh T xin đoàn tụ gia đình, nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn gia đình.

Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vũ K, sinh ngày 03/3/1993 và con tên Nguyễn Đình V, sinh ngày 20/3/2005. Đối với cháu Nguyễn Vũ K đã thành niên trên 18 tuổi tự lao động được nên không đặt ra giải quyết; Đối với con tên Nguyễn Đình V, sinh ngày 20/3/2005 anh Tn không có yêu cầu gì, nguyện vọng của cháu V muốn sinh sống cùng với chị D nên Hội đồng xét xử giao con chung cháu V cho chị D được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, 81; 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Nguyễn Thanh T.

Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T

2. Về con chung: Giao chị D được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Đình V, sinh ngày 20/3/2005. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ – ST. Ghi nhận chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0012011 ngày 24/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, được khấu trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CCTHADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Lê